

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình  
Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hồng Vân, huyện Ân Thi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 136/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định 299/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hồng Vân, huyện Ân Thi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1590/TTr-SKHĐT ngày 20/10/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hồng Vân, huyện Ân Thi, với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Báo cáo KTKT:** Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hồng Vân, huyện Ân Thi.

**2. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hưng Yên.

**3. Nhà thầu lập Báo cáo KTKT:** Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng Thái Hưng.

**4. Chủ nhiệm lập dự án:** Kỹ sư Hoàng Xuân Hương.

**5. Mục tiêu đầu tư:** Xây dựng trạm bơm Hồng Vân, huyện Ân Thi để đảm bảo tưới cho khoảng 1.200 ha, tiêu nước cho khoảng 1.300 ha đất canh tác các xã Hồng Vân, Hồ Tùng Mậu thuộc Ân Thi và các xã Nhân La, Vũ Xá thuộc huyện Kim Động. Đồng thời giảm thiểu các chi phí trong công tác quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng trong quá trình khai thác sử dụng.

**6. Nội dung và quy mô đầu tư:**

### 6.1. Cải tạo các hạng mục công trình đầu mối:

a) Nhà trạm: Cạo bỏ lớp vữa trát tường ngoài, trần nhà và trát lại bằng vữa XMCV mác 75 dày 1,5 cm; cạo bỏ lớp vữa trát tường trong nhà và trát lại bằng vữa XMCV mác 75 dày 1,5 cm; phá dỡ lớp lát nền cũ và đổ lại nền bằng BTXM mác 200 đá 1 x 2 cm dày 10 cm; phá dỡ tường sê nô mái, gạch lát chống nóng và láng lại bằng vữa XMCV mác 75; tháo dỡ cửa sổ bị hỏng và thay thế bằng cửa nhựa lõi thép gia cường kính dày 6,38 ly; mái nhà lợp tôn chống thấm, chống nóng, hệ khung vì kèo bằng thép.

- Sân nhà trạm: Có diện tích sân 30,32 m<sup>2</sup> được gia cố bằng lớp BTXM mác 250 đá 2 x 4 cm dày 20 cm.

- Đường vào nhà trạm và đường xung quanh trạm biển áp: Tổng diện tích đường S= 126,1 m<sup>2</sup>, kết cấu mặt đường đổ BTXM mác 250 đá 2 x 4 cm dày 20 cm, đệm cát đen tạo phẳng dày trung bình 3,0 cm, móng đường rải cấp phối đá dăm loại II dày 15 cm.

#### b) Cải tạo bể xả:

- Vệ sinh sạch sẽ, đục sờm lại mái và đáy bể xả hiện trạng sau đó gia cố bằng BTXM mác 200 đá 1x2 cm dày trung bình 10 cm; phần tường chắn đất mái bể xả (phía tiếp giáp đường vào nhà quản lý) có kết cấu xây gạch chỉ mác 75 vữa XMCV mác 75, phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5 cm.

- Cổng xả tiêu sau bể xả: Phá dỡ một phần tường đầu, tường ngực hiện trạng và làm mới lại bằng bê tông mác 250 đá 1x2cm; đục khe van cũ, làm mới lại bằng bê tông mác 250 đá 1x2cm và bọc van cổng bằng thép tầm dày 8 ly; phá dỡ dàn van cũ, làm mới bằng BTCT mác 200 đá 1x2cm và có bố trí hệ thống lan can thép trên dàn van; thay cánh van bê tông cũ bằng cánh van phẳng có kết cấu thép.

#### c) Cải tạo bể hút:

- Vệ sinh sạch sẽ, đục sờm lại mái bể hút hiện trạng sau đó gia cố mái bằng BTXM mác 200 đá 1x2cm dày trung bình 10cm; chân khay mái bể hút đổ bê tông mác 200 đá 1x2cm; tường chắn đất bể hút (phần tiếp giáp với vườn nhà dân) có kết cấu xây gạch chỉ đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5cm, móng tường đổ bê tông mác 200 đá 2x4cm dày 25cm.

- Cổng lấy nước vào bể hút: Đục hèm van cũ và gia cố lại bằng bê tông mác 200 đá 1x2cm dày 15cm, bọc lại hèm van, đệm máy bằng thép tầm; thay mới cánh cổng bê tông cũ bằng cánh van phẳng có kết cấu bằng thép.

- Lưới chắn rác: Phá dỡ lưới chắn rác hiện trạng và xây mới lại tại vị trí tiếp giáp với nhà dân (cách vị trí lưới chắn rác cũ 15,0m), lưới chắn rác gồm 05 cửa, cao trình đáy thiết kế ở -0,3 m; cao trình mặt sàn công tác +2,6m; kết cấu móng bê tông mác 200 đá 2x4cm dày 60cm, nền móng được gia cố bằng cọc tre  $\Phi(6-8)$  cm, chiều dài cọc L= 2,5 m, mật độ cọc 25 cọc/m<sup>2</sup>; mố trụ xây gạch chỉ đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75; giằng

mô trụ và dầm cầu công tác đổ BTCT mác 200 đá 1x2cm, mặt sàn cầu công tác đổ bê tông mác 200 đá 2x4cm dày 40cm; lưới chắn rác có kết cấu bằng thép (thép hình L70x70x7 mm và thép vuông 20x20mm làm lưới) và được sơn chống rỉ gồm 2 lớp sơn lót và 2 lớp sơn phủ.

- Phần tiếp giáp giữa lưới chắn rác và bể hút (hiện trạng): Chân khay, mái kè và tường chắn đất xây đá hộc vữa XMCV mác 75; phía dưới mái kè, đáy chân khay lót đá dăm 1x2cm dày 5 cm; thoát nước mái kè bằng ống PVC Ø48, đầu ống được bịt bằng vải lọc địa kỹ thuật; nền móng tường chắn đất gia cố bằng cọc tre L= 2,5 m, mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>.

## 6.2. Xây dựng kênh xả tưới:

a) Kênh xả tưới: Tổng chiều dài tuyến kênh thiết kế L= 1.003,44m (từ cống xả tưới đến cống qua kênh tại C21), gồm có các đoạn kênh sau:

- Đoạn 1 (từ cống xả tưới đến đầu đoạn kênh đất hiện trạng): Phá dỡ đoạn kênh xả tưới cũ (đã bị hư hỏng) và xây mới lại kênh xả tưới hình chữ nhật với kích thước b<sub>xh</sub>= (1,6x1,6)m, chiều dài đoạn kênh thiết kế L= 45,48 m, độ dốc dọc i = 0,0005; kết cấu đáy kênh đổ BTXM mác 200 đá 2x4cm dày 20cm, phía dưới rải nilon lót, đệm cát đen tạo phẳng dày 5 cm, trên kênh có bố trí giằng dọc và giằng ngang kênh bằng BTCT mác 200 đá 1x2 cm, cứ 10m bố trí 1 khe lún giấy dầu nhựa đường (2 lớp giấy, 3 lớp nhựa); tường kênh xây gạch chỉ đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần tường kênh phía trong lòng kênh và phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5 cm, hai bên tường kênh đắp đất đầm chặt K = 0,85; mặt bờ kênh kết hợp làm đường vào nhà quản lý và trạm bơm với chiều dài tuyến đường thiết kế L= 62,41m, chiều rộng mặt đường thiết kế B<sub>mặt</sub>= 3,0m, chiều rộng lề đường B<sub>lề</sub>= 0,5m, độ dốc ngang mặt đường i<sub>mặt</sub>= 2%. Kết cấu mặt đường đổ BTXM mác 250 đá 2x4cm dày 18cm, đệm cát đen tạo phẳng dày trung bình 3,0cm, móng đường rải cấp phối đá dăm loại II dày 15 cm, cứ 5,0m bố trí một khe co và 30,0m bố trí một khe dãn, lề đường đắp đất K= 0,85.

- Đoạn 2 (nối tiếp với đoạn 1 đến cống qua kênh tại C21): Chiều dài tuyến kênh thiết kế L= 957,96 m, chiều rộng đáy kênh thiết kế B= 1,5m, hệ số mái m= 1,0, độ dốc dọc i= 0,00015, cao trình đáy kênh thiết kế tại vị trí đầu đoạn kênh (C0) ở +1,9m; kết cấu đáy kênh đổ bê tông mác 200 đá 1x2 cm dày 15cm, dưới lót lớp cát đen tạo phẳng dày 10 cm; mái kênh lát tấm BTCT đúc sẵn mác 200 đá 1x2cm dày 8,0 cm, phía dưới trải vải địa kỹ thuật và tạo phẳng bằng cát đen dày 3 cm, khóa mái bằng bê tông mác 200 đá 2x4cm, đất đắp hai bên mái kênh K= 0,85.

b) Công trình trên kênh xả tưới:

- Cống xả tưới: Cống hộp có khẩu diện b<sub>xh</sub>= (1,6x1,3)m, cao trình đáy cống +1,95 m, chiều dài bản đáy cống L= 5,7m, cao trình đỉnh cống +3,5m; cống có kết cấu tường xây gạch chỉ đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần tường phía trong cống và phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5 cm, đáy cống đổ BTCT mác 200 đá 2x4cm dày 35cm, bê tông lót móng mác 100 đá 4x6 cm dày 10 cm, nền móng cống gia cố bằng cọc tre Ø(6-8) cm, chiều dài cọc L=

2,0m, mật độ cọc 20cọc/m<sup>2</sup>, trần cống đổ BTCT mác 200 đá 1x2cm dày 25cm; dàn van có kết cấu BTCT mác 200, cánh cống bằng thép, điều tiết cống bằng máy đóng mở kiểu vít (V5).

- Cống qua đường vào nhà quản lý: Cống hộp có khẩu diện bxxh= (1,2x1,2)m, chiều dài bản đáy cống L= 8,4m, cao trình đáy cống +1,13m, cao trình đỉnh cống +2,58m; cống có kết cấu tường xây gạch chi đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần tường phía trong cống và phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5cm, đáy cống đổ BTCT mác 200 đá 2x4cm dày 35cm, bê tông lót móng mác 100 đá 4x6cm dày 10cm, nền móng cống gia cố bằng cọc tre  $\Phi$ (6-8)cm, chiều dài cọc L= 2,0m, mật độ cọc 20cọc/m<sup>2</sup>, trần cống đổ BTCT mác 200 đá 1x2cm dày 25cm; dàn van có kết cấu BTCT mác 200, cánh cống bằng BTCT mác 250 đá 1x2cm, điều tiết cống bằng máy đóng mở kiểu vít (V2).

- Cống nối giữa hai đoạn kênh: Phá dỡ cống cũ và xây mới lại cống hộp có kích thước bxxh= (1,6x1,5)m, chiều dài bản đáy cống L= 3,6 m, cao trình đáy cống +1,91m, cao trình đỉnh cống +3,66 m; kết cấu tường cống xây gạch chi đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần tường phía trong cống và phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5cm, đáy cống đổ BTCT mác 200 đá 2x4cm dày 30cm, bê tông lót móng mác 100 đá 4x6cm dày 10cm, nền móng cống gia cố bằng cọc tre  $\Phi$ (6-8)cm, chiều dài cọc L= 2,0 m, mật độ cọc 20cọc/m<sup>2</sup>, trần cống đổ BTCT mác 200 đá 1x2cm dày 25cm.

- Cống thoát nước ra kênh xả tưới tại vị trí C8-21: Cống tròn có khẩu độ  $\Phi$ = 0,4m, chiều dài bản đáy cống L= 2,35m, cao trình đáy cống +2,5m; kết cấu bằng ống cống BTCT đúc sẵn mác 300, đế cống đổ bê tông mác 150 đá 2x4cm, dưới đệm cát đen dày 10 cm, tường đầu và tường ngực xây gạch chi đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5 cm; phía trên trần cống đắp đất đến cao trình +3,39m với độ chặt K= 0,85.

- Cống cầu sản xuất tại vị trí C8-18 và C11+6,4: Kích thước cống cầu bxxh = (1,6x1,4)m, cao trình đáy cống +1,84m; kết cấu đáy cống đổ BTCT mác 200 đá 2x4cm dày 25cm, bê tông lót móng mác 100 đá 4x6cm dày 10cm, tường cống xây gạch chi đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần tường phía trong cống và phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5cm, trần cống đổ BTCT mác 200 đá 1x2 cm dày 15cm, hai bên tường cống đắp đất đảm chặt K= 0,85.

- Cống qua kênh tại vị trí C8-15,1: Cống tròn có khẩu độ  $\Phi$ = 0,4 m, chiều dài bản đáy cống L= 11,0m; kết cấu bằng ống cống BTCT đúc sẵn mác 300, đế cống đổ bê tông mác 150 đá 2x4cm, dưới đệm cát đen dày 5cm; tường đầu, tường ngực và hồ ga xây gạch chi đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5 cm; phía trên trần cống đắp đất đảm chặt K= 0,85, tại hồ ga có bố trí lưới chắn rác bằng thép vuông 14x14mm.

- Cống tại vị trí C8-12,85, C19: Cống hộp có khẩu diện bxxh = (0,6 x 1,0) m, chiều dài bản đáy cống L= 5,15m; kết cấu đáy cống đổ BTCT mác 200 đá 2x4cm dày 22cm, bê tông lót móng mác 100 đá 4x6cm dày 5cm, tường cống xây gạch chi đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần tường phía trong cống và phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5cm, trần cống đổ BTCT mác 200

đá 1x2cm dày 15cm, hai bên tường cống và trần cống đắp đất đầm chặt K= 0,85; dàn van và cánh cống bằng BTCT, điều tiết cống bằng máy đóng mở kiểu vít (V0).

- Cống tại vị trí C14A: Cống hộp có khẩu diện bxxh= (1,2x1,2)m, chiều dài bản đáy cống L= 4,58m, cao trình đáy cống +1,89m, cao trình đỉnh cống +3,34m; kết cấu đáy cống đổ BTCT mác 200 đá 2x4cm dày 35cm, bê tông lót móng mác 100 đá 4x6cm dày 10cm, nền móng cống gia cố bằng cọc tre  $\Phi(6-8)$  cm, chiều dài cọc L= 2,0m, mật độ cọc 20cọc/m<sup>2</sup>, tường cống xây gạch chi đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần tường phía trong cống và phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5cm, trần cống đổ BTCT mác 200 đá 1x2 cm dày 25cm, hai bên tường cống đắp đất đầm chặt K= 0,85; dàn van bằng BTCT mác 200, cánh cống bằng thép, điều tiết cống bằng máy đóng mở kiểu vít (V5).

- Cống tại vị trí C16-3: Cống hộp có khẩu diện bxxh= (1,5x1,3)m, chiều dài bản đáy cống L= 5,7m, cao trình đáy cống +1,79 m, cao trình đỉnh cống +3,34m; kết cấu đáy cống đổ BTCT mác 200 đá 2x4cm dày 35cm, bê tông lót móng mác 100 đá 4x6cm dày 10 cm, nền móng cống gia cố bằng cọc tre  $\Phi(6-8)$  cm, chiều dài cọc L= 2,0 m, mật độ cọc 20cọc/m<sup>2</sup>, tường cống xây gạch chi đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần tường phía trong cống và phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5cm, trần cống đổ BTCT mác 200 đá 1x2cm dày 25cm, hai bên tường cống đắp đất đầm chặt K= 0,85; dàn van bằng BTCT mác 200, cánh cống bằng thép, điều tiết cống bằng máy đóng mở kiểu vít (V5).

- Cống tại vị trí C21 (gồm 02 cống bờ tả và bờ hữu): Kết cấu đáy cống đổ BTCT mác 200 đá 2x4cm dày 22cm, bê tông lót móng mác 100 đá 4x6cm dày 5cm, tường cống xây gạch chi đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần tường phía trong cống và phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5cm, trần cống đổ BTCT mác 200 đá 1x2cm dày 15cm, hai bên tường cống và trần cống đắp đất đầm chặt K= 0,85; dàn van và cánh cống bằng BTCT, điều tiết cống bằng máy đóng mở kiểu vít (V0).

**7. Địa điểm xây dựng:** Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

**8. Diện tích sử dụng đất:** Công trình xây dựng chủ yếu trên tuyến kênh và diện tích đất hiện có trong khuôn viên của trạm bơm cũ.

**9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình**

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Công trình thủy lợi, cấp IV.

**10. Tổng dự toán : 8.000.000.000 đồng**

**(Tám tỷ đồng chẵn)**

Trong đó

- Chi phí xây dựng : 6.068.222.000 đồng  
- Chi phí QLDA : 131.901.000 đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 402.939.000 đồng
- Chi phí khác : 446.519.000 đồng
- Chi phí dự phòng : 950.419.000 đồng

**11. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách tỉnh.

**12. Hình thức Quản lý dự án:** Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định hiện hành.

**13. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2016 - 2020.

**Điều 2:** Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh; Giá trị dự toán được duyệt làm cơ sở để chủ đầu tư quản lý vốn đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 3:** Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên KTCT thủy lợi tỉnh và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2<sup>1,2</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Đặng Ngọc Quỳnh**